SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Số: 1311 /TTKSBT-TCGXDKH&LCNT
V/v Yêu cầu báo giá Vật tư, hóa chất khoa hóa sinh

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Ninh, ngày 09 tháng 07 năm 2025*

**Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu. Để có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh đang có nhu cầu với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds. Bùi Thu Hường – Thành viên tổ CGXDKH&LCNT. Số điện thoại: 0986.158.999. Email tiếp nhận báo giá: dauthau.quangninhcdc@gmail.com.

**2. Cách thức tiếp nhận báo giá:**

- Nhận trực tiếp: Văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về Tổ CGXDKH&LCNT Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

*- Nhận qua email: 01 bản scan và 01 bản excel gửi về email dauthau.quangninhcdc@gmail.com.*

**3. Thời gian tiếp nhận báo giá:**

***- Từ 15h00 ngày 09/07/2025 đến trước 15h00 phút ngày 21/07/2025.***

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 21/07/2025.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

**1. Danh mục vật tư, hóa chất** *(Chi tiết danh mục và số lượng theo phụ lục đính kèm).*

**2. Địa điểm cung cấp**: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**3.Thời gian giao hàng dự kiến**:

Đề nghị Quý nhà thầu quan tâm, ghi cụ thể thời gian cung cấp được hàng hoá, vật tư sinh phẩm…. sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa bao nhiêu ngày.

**4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:**

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Bên mua thanh toán một lần 100% hoặc theo từng đợt gọi hàng giá trị thực hiện hợp đồng cho bên bán sau khi hai bên ký kết biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

- Các thông tin khác (nếu có).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- SYT (để đăng tải);
- Phòng TCHC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Tổ CGXDKH&LCNT

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

**Vũ Quyết Thắng**

# PHỤ LỤC 1

(Kèm theo công văn số: 1311 /TTKSBT- TCGXHKH&LCNT ngày 09/7/2025
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

*Lưu ý: Quý nhà thầu quan tâm cung cấp báo giá không được xoá cột mã của hàng hoá*

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| H01 | 1 | Chất chuẩn nhóm hợp chất hữu cơ acetonitrile gồm 03 thành phần nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Dibromoacetonitrile; Dichloroacetonitrile; Trichloroacetonitrile trong Methanol | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034 | 1mL/ Hộp | Hộp | 1 |
| H02 | 2 | Chất chuẩn nhóm hợp chất hữu cơ acid acetic gồm 03 thành phần nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Monochloroacetic acid; Dichloroacetic Acid; Trichloroacetic acid trong Methanol. | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034 | 1mL/Lọ | Lọ | 1 |
| H03 | 3 | Chất chuẩn nhóm 09 chất thuốc bảo vệ thực vật nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Alachlor; Atrazine; Simazine; Molinate, Trifluralin; Pendimethalin; Chlortoluron; Cyanazine; Isoproturon trong Methanol | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034 | 1mL/ Hộp | Hộp | 1 |
| H04 | 4 | Bộ chuẩn gồm 16 thành phần thuốc BVTV nồng độ 10 µg/mL mỗi thành phần bao gồm: alpha-HCH; Hexachlorobenzene; beta-HCH; gamma-HCH; Heptachlor; Aldrin; trans-Heptachlor-endo-epoxide (isomer A), alpha-Endosulfan; 4,4'-DDE; Dieldrin; Endrin; beta-Endosulfan; 4,4'-DDD; 2,4'-DDT; 4,4'-DDT, Methoxychlor in Cyclohexane | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034 | 1mL/Lọ | Lọ | 1 |
| H05 | 5 | Nội chuẩn 1,1-Dichloro-2,2-bis(4-chlorophenyl-d4)ethane | Chất nội chuẩn 1,1-Dichloro-2,2-bis(4- | 0,01g/Lọ | Lọ | 1 |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| | | | chlorophenyl-d4)ethane, 98% D | | | |
| H06 | 6 | Bộ chuẩn hỗn hợp Phenol và các dẫn xuất của phenol gồm các thành phần nồng độ 100 µg/ml cho mỗi thành phần bao gồm: 4-Chloro-3-methylphenol; 2-Chlorophenol; 2,4-Dichlorophenol; 2,4-Dimethylphenol; 2,4-Dinitrophenol; 2-Methyl-4,6-dinitrophenol; 2-Nitrophenol; 4-Nitrophenol; Pentachlorophenol; Phenol; 2,4,6-Trichlorophenol trong Acetonitrile | Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034 | 1mL/Lọ | Lọ | 1 |
| H07 | 7 | Bộ chuẩn hỗn hợp VOC nhiều thành phần, mỗi thành phần nồng độ 2000 µg/mL bao gồm: Dichlorodifluoromethane; Chloromethane; Vinyl Chloride; Bromomethane; Chloroethane; Trichlorofluoromethane; 1,1-dichloroethylene; Carbon Disulfide; Methylene Chloride; Methyl T-butyl Ether; Trans-1,2-dichloroethylene; 1,1-dichloroethane; Cis-1,2-dichloroethylene; 2,2-dichloropropane; Bromochloromethane; Chloroform; 1,1,1-trichloroethane; 1,1-dichloropropylene; Carbon Tetrachloride; Benzene; Dibromochloromethane; 1,2-dibromoethane; Chlorobenzene; Ethylbenzene; 1,1,1,2 tetrachloroethane; M-xylene; P-xylene; O-xylene; Styrene; Bromoform; Isopropylbenzene; 1,1,2,2-tetrachloroethane; 1,2,3-trichloropropane; Bromobenzene; N-propylbenzene; 2- | Nồng độ các chất 2000 µg/mL | 1ml/Lọ | Lọ | 1 |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| | | chlorotoluene; 1,3,5-trimethylbenzene; 4-chlorotoluene; Tert-butylbenzene; 1,2,4-trimethylbenzene; Sec-butylbenzene; Tetrachloroethylene; 1,3-dichloropropane; 4-isopropyltoluene; 1,3-dichlorobenzene; 1,4-dichlorobenzene; N-butylbenzene; 1,2-dichlorobenzene; 1,2-dichloroethane; Trichloroethylene; 1,2-dichloropropane; Dibromomethane; Bromodichloromethane; Cis-1,3-dichloropropylene; Toluene; Trans-1,3-dichloropropylene; 1,1,2-trichloroethane; 1,2-dibromo-3-chloropropane; 1,2,4-trichlorobenzene; Hexachlorobutadiene; Naphthalene; 1,2,3-trichlorobenzene; Isobutylbenzene; Carbon tetrabromide; Azobenzene | | | | |
| H08 | 8 | Nội chuẩn chạy máy cho phân tích các chỉ tiêu VOC bao gồm fluorobenzene, chlorobenzene-d5, and 1,4-dichlorobenzene-d4 | Nội chuẩn nồng độ 2500 mg/ml trong Methanol | 1mL/lọ | Lọ | 1 |
| H09 | 9 | Bộ chuẩn thuốc trừ sâu 07 thành phần nồng độ 10 µg/mL mỗi thành phần bao gồm Cyfluthrin; Cypermethrin; Deltamethrin; Fenvalerate; Permethrin; Phenothrin; Tetramethrin in Cyclohexane | Nồng độ 10 µg/mL<br>Phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17038 | 1mL/Lọ | Lọ | 1 |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| H10 | 10 | Dung dịch chuẩn hỗn hợp 06 chất nồng độ mỗi chất: 100µg/mL bao gồm:2,4D;MCPA;Dichlorprop; Mecoprop; 2,4-DB;Fenoprop | Nồng độ 100µg/mL trong Acetone | 1mL/hộp | Lọ | 1 |
| H11 | 11 | Dung dịch chuẩn Acrylamide. Nồng độ 100µg/mL | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ | Lọ | 1 |
| H12 | 12 | Dung dịch chuẩn Epichlorhydrin. Nồng độ 100µg/mL | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ | Lọ | 1 |
| H13 | 13 | Dung dịch chuẩn Propanil. Nồng độ 100µg/mL | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ | Lọ | 1 |
| H14 | 14 | Dung dịch chuẩn Formaldehyde. Nồng độ 100µg/mL | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ | Lọ | 1 |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| H15 | 15 | Dung dịch chuẩn Clodane. Nồng độ 100µg/mL | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ | Lọ | 1 |
| H16 | 16 | Dung dịch chuẩn Hydroxyatrazinre. Nồng độ 100µg/mL | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ | Lọ | 1 |
| H17 | 17 | Dung dịch chuẩn hỗn hợp 02 chất: nồng độ 100µg/mL mỗi chất bao gồm Carbofuran, Aldicarb, | Nồng độ 100µg/mL<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 1mL/lọ | Lọ | 1 |
| | 1 | **Chất chuẩn vô cơ** | | | | 1 |
| H18 | 18 | Dung dịch chuẩn Bromate(BrO3-) 1000µg/L | Nồng độ 1000µg/L<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 100mL/ Chai | Chai | 1 |
| H19 | 19 | Dung dịch chuẩn Fluoride. Nồng độ 1000mg/L | Nồng độ 1000mg/L<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 500mL/Lọ | Lọ | 1 |
| H20 | 20 | Ống chuẩn Oxalic 0.1N | Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương | 1 Ống/hộp | Ống | 1 |
| H21 | 21 | Ống chuẩn AgNO3 0.1N | Ống chuẩn c($AgNO_3$) = 0.1 mol/l (0.1 N) | 1 Ống/hộp | Ống | 1 |
| H22 | 22 | Ống chuẩn Trilon B 0.1N | c(Na2-EDTA 2 H2O) = 0.1 mol/l | 1 Ống/hộp | Ống | 1 |
| H23 | 23 | Nội chuẩn Indium 1000 µg/mL | Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025, ISO 17034 | 100mL/Lọ | Lọ | 1 |
| H24 | 24 | Chuẩn vàng (Au) 1000 µg/mL | Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17034, ISO 17025, | 100mL/Lọ | Lọ | 1 |
| | **III** | **Vật tư tiêu hao** | | | | |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| H25 | 25 | iCAP Q/Qnova quat torch | Torches for iCAPTм Q/Qnova Series ICP-MS Systems<br>Chất liệu: Torches bằng thạch anh Để sử dụng với Hệ thống ICP-MS dòng iCAP Q/Qnova, Vật tư thay thế ICPMS | 1 Chiếc/ hộp | Chiếc | 1 |
| H26 | 26 | Dầu chân không Pump oil PFPE | Dầu tổng hợp (PFPE polyether perfluorinated không chứa chất phụ gia) phù hợp cho bơm chân không ICPMS | Lít/chai | Lít | 1 |
| H27 | 27 | Injector 2.5 mm ID Quartz | Đầu phun thạch anh iCAP Q, loại 2,5 mm. Vật tư thay thế phù hợp cho ICPMS - model: iCAP RQ của hãng Thermo scientific | 1 Chiếc/ hộp | Chiếc | 1 |
| H28 | 28 | Ni skimmer cone - Insert version | Nón Skimmer Niken (Ma trận cao) tương thích với Thermo iCAP Q/RQ ICP-MS Chất liệu: Niken<br>Loại: Skimmer<br>Để sử dụng với: Thiết bị Thermo iCAP Q/RQ ICPMS | 1 Chiếc/ hộp | Chiếc | 1 |
| H29 | 29 | Ni sample cone | Chất liệu: Niken, lõi đồng<br>Kiểu:<br>Bộ lấy mẫu<br>Để sử dụng với: Dành cho các thiết bị Thermo/VG, X-Series/iCAP Q ICP-MS | 1 Chiếc/ hộp | Chiếc | 1 |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| H30 | 30 | Mini Torch dùng cho ICP-OES | Ngọn đuốc thạch anh nhỏ<br>- Phù hợp với mã hàng 21181448 Shimadzu.<br>phù hợp cho ICP - Model: ICPE 9000 của hãng Shimadzu | 1 Chiếc/ hộp | Chiếc | 1 |
| H31 | 31 | Vial và nắp vặn cho sắc ký ký lỏng | Đường kính miệng: ≥9mm. Nắp vặn. Có chia vạch. Màu sắc trong hoặc nâu. Dung tích 2mL. Kích thước - 11.6x32mm | 100 cái/ Hộp | hộp | 1 |
| H32 | 32 | Vial và nắp vặn cho sắc ký khí | Đường kính miệng: ≥9mm. Nắp vặn. Có chia vạch. Màu sắc trong hoặc nâu. Dung tích 2mL. Kích thước - 11.6x32mm<br>Nắp: Nhựa màu xanh vặn | 100 cái/ Hộp | hộp | 1 |
| H33 | 33 | Kim tiêm sắc ký khí GC 10 µL | Thể tích: 10 µL<br>Chiều dài kim: 57 mm Kiểu mũi kim: hình nón<br>Để sử dụng phù hợp với Bộ lấy mẫu tự động TriPlus RSH | 1 Cái/hộp | Hộp | 1 |
| H34 | 34 | Cột sắc ký khí 5MS | Chiều dài 30m - đường kính trong I.D 0.25mm - lớp phim pha tĩnh 0.25µm | 1 Cái/hộp | Hộp | 1 |
| H35 | 35 | Đệm cho cột tách đầu ghép nối vào cổng tiêm | - Tương đương mã hàng P/N 290GA139<br>- Để sử dụng với cổng Injector<br>-Kích thước lỗ 0.1 - 0.32 mm | 10 cái/ Hộp | Hộp | 1 |
| H36 | 36 | Đệm cho cột tách đầu ghép nối vào đầu dò khối phổ | - Tương đương mã hàng P/N 29033496<br>- Để sử dụng với cổng MS<br>- Đường kính: 0,1 đến 0,25 mm | 10 cái/ Hộp | Hộp | 1 |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| | | | - Vật liệu: 15% than chì, 85% vespel<br>- Kiểu: vòng sắt | | | |
| H37 | 37 | Buồng thạch anh cho cổng bơm mẫu loại không chia dòng | - Tương đương mã hàng P/N 453A1925<br>- Để sử dụng với: Loại không chia dòng dòng (Splitless Liner with Single Taper).<br>- Đường kính bên trong: 4mm<br>- Đường kính bên ngoài: 6,3 mm<br>- Chiều dài: 78,5 mm<br>- Vật liệu đóng gói: Len thạch anh<br>- Chất liệu lót: Thủy tinh Borosilicate khử hoạt tính cao | 5cái/ Hộp | Hộp | 1 |
| H38 | 38 | Buồng thạch anh cho cổng bơm mẫu 'Split Inlet Liner | - Tương đương mã hàng P/N 453A2265<br>- Để sử dụng: Loại chia dòng (Chia thẳng lót) sử dụng với cổng tiêm GC<br>- Đường kính bên trong: 4mm<br>Đường kính bên ngoài: 6,3 mm<br>- Chiều dài: 78.5 mm<br>- Vật liệu đóng gói: Len thạch anh<br>\|- Chất liệu lót: Thủy tỉnh Borosilicate khử hoạt tính cao | 5 cái/Hộp | Hộp | 1 |
| H39 | 39 | Micropipet 100-1000 µL | Thể tích 100-1000 µL, chia 10µl, bước tăng 2µl, sai số hệ thống theo ISO 8655 ± 8µl (100, 500, 1000 ul), sai số ngẫu nhiên theo ISO 8655 ±3µl (100, 500, 1000µl ) | 1 Cái/hộp | Cái | 1 |
| H40 | 40 | Micropipet 500-5000 µL | -Thể tích 500-5000 µL, chia 100µl, bước tăng 20µl, sai số hệ thống theo ISO | 1 Cái/hộp | Cái | 1 |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| | | | 8655 ± 40µl (100, 500, 1000 µl), sai số ngẫu nhiên theo ISO 8655 ± 15µl (100,500, 1000µl) | | | |
| H41 | 41 | Micropipet 10-100 µL | -Thể tích 10-100 µL, chia lµl, bước tăng 0.2µl, sai số hệ thống theo ISO 8655 ± 0.8µl (10, 50, 100 µl), sai số ngẫu nhiên theo ISO 8655 ± 0.3µl (10, 50, 100 µl) | 1 Cái/hộp | Cái | 1 |
| H42 | 42 | Micropipet 20-200 µL | Thể tích 20-200 µL, chia 1µl, bước tăng 0.2µl, sai số hệ thống theo ISO 8655 ± 0.8µl (20, 100, 200 µl), sai số ngẫu nhiên theo ISO 8655 ± 0.3µl (20, 100, 200µl ) | 1 Cái/hộp | Cái | 1 |
| H43 | 43 | Micropipet 1000-10000 µL | Thể tích 1000-10000 µL, chia 100µl, bước tăng 20µl, sai số hệ thống theo ISO 8655 ± 60µl (1000, 5000, 10000 µl), sai số ngẫu nhiên theo ISO 8655± 30l (1000, 5000, 10000µl ) | 1 Cái/hộp | Cái | 1 |
| H44 | 44 | Cột sắc ký khí GC | -Tương đương cột DB-624 Dài 30m - đường kính trong I.D 0.25mm - lớp phim 1 -1.4 µm Thành phần 6% Cyanopro pylphenyl, 94% methyl polysiloxane - low bleeding Nhiệt độ đến 280$^0$C | 1 Cái/hộp | Hộp | 1 |
| H45 | 45 | Vial headspace 20mL | - Lọ trong suốt có nắp vặn Headspace 20mL<br>- Loại lọ: Lọ vít<br>- Thể tích: 20mL<br>- Kích thước lọ: 75,5 x 22,5mm<br>- Chất liệu lọ: Thuỷ tinh loại 1<br>- Kiểu đế: Đáy tròn | 100 cái/ Hộp | Hộp | 1 |
| H46 | 46 | Nắp vặn từ tính 18mm và có settum silicon (Dùng cho lọ 20mL | - Loại nắp vặn từ tính 18mm | 100 cái/ Hộp | Hộp | 1 |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| | | headspace) | - Chất liệu thép hợp kim<br>- Nắp vặn phù hợp với lọ mẫu 20mL<br>- Vách septa PTFE/silicon | | | |
| H47 | 47 | Găng tay không bột tan | Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO | Hộp 50 đôi | Hộp | 1 |
| H48 | 48 | Khẩu trang than hoạt tính | Thành phần của khẩu trang than gồm: Vải không dệt, vải lọc, vải than hoạt tính, vải không dệt, dây đeo, gọng nhựa. Khẩu trang được sử dụng để ngăn ngừa và lọc bụi, lọc khí, lọc mùi...Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017, ISO 9001: 2015 | Hộp 50 cái | Hộp | 1 |
| H49 | 49 | Viên mồi BOD | Sử dụng để phân tích BOD trong nền mẫu nước và nước thải. Không chứa chất gây bệnh. Không chứa vi sinh vật nitrat hóa hoặc tương đương | 50 viên/ Hộp | Hộp | 1 |
| H50 | 50 | Màng bọc điện cực | Dùng phù hợp máy đo oxy hoà tan Ionlab oxi 7310 | 4 cái/Hộp | Hộp | 1 |
| H51 | 51 | Bình ủ BOD | - Loại Karlsruhe - Bình thủy tinh dung tích 300 mL, có nút kín | Thể tích 300 ml/ chiếc | Chiếc | 1 |
| H52 | 52 | Vial + nắp vial cho sắc kí ion | Cỡ 5mL. Phù hợp cho máy sắc ký ion ICS | 250 cái/ Hộp | Hộp | 1 |
| H53 | 53 | Đầu lọc | Vật liệu vỏ: PP, màng lọc Nylon, đường kính đầu lọc13mm, kích thước lỗ lọc 0,45µL | 100 cái/ Hộp | Hộp | 1 |
| H54 | 54 | Cột làm giàu mẫu anion Dionex T™ IonPacTM UTAC-2 Series Ultratrace( UTAC-LP2) | -UTAC-LP2 (số catalog: 079917, đường kính 4mm, dài 35mm)<br>vật tư tiêu hao thiết bị sắc ký ion, model: ICS - 5000+ EG | 1 Cái/hộp | Hộp | 1 |
| H55 | 55 | Bình lấy mẫu (Bình thủy tinh tối màu có nắp lót PTFE) nắp vặn | Bình thủy tinh tối màu có nắp lót PTFE, thể tích 250 mL | Bình | Bình | 1 |

| Mã | STT | Tên hàng hóa | Nội dung (Thông số kỹ thuật) | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I** | **Mua Chất chuẩn hữu cơ** | | | | |
| | **IV** | **Mua Khí sử dụng trong phòng thí nghiệm** | | | | 1 |
| H56 | 56 | Khí Heli 99,999% | Độ tinh khiết 99,999% | Bình 40L | Bình | 1 |
| H57 | 57 | Khí Argon 99,9% | Độ tinh khiết 99,9%,Bình 150 bar/Bình | Bình 40L | Bình | 1 |
| H58 | 58 | Khí Argon 99,999% | Độ tinh khiết 99,999% | Bình 40L | Bình | 1 |

# PHỤ LỤC 2

*(Kèm theo công văn số: 349 /TTKSBT- TCGXHKH&LCNT ngày 28/02/2025của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)*

## Mẫu báo giá

**Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế**

**BÁO GIÁ[1]**

**Kính gửi: ...** ***[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]***

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi .....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

| Mã | STT | Danh mục thiết bị y tế[2] | Tiêu chuẩn kỹ thuật do nhà thầu đề xuất đáp ứng yêu cầu | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất[3] | Mã HS[4] | Giá kê khai | Giá niêm yết | Năm sản xuất[5] | Xuất xứ[6] | Số lượng/khối lượng[7] | Đơn giá(8) (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan(9) (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có)(10) (VND) | Thành tiền(11) (VND) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| B001 | 1 | Thiết bị A | | | | | | | | | | | | |
| B002 | 2 | Thiết bị B | | | | | | | | | | | | |
| … | n | ... | | | | | | | | | | | | |

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm. ....kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[12]**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

***Ghi chú:***

*(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.*

*(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.*

*(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".*

*(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.*

*(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.*

*(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.*

*(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.*

*(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.*

*(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.*

*(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.*

*Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.*

*(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.*